

PHỤ BIỂU 1.1: SO SÁNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT NĂM 2024 VỚI DIỆN TÍCH ĐƯỢC TƯỚI, TIÊU NĂM 2024 CỦA HUYỆN...

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-CCTL ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

TT	Tên huyện, thị, thành phố	Các hợp tác xã phục vụ (ha)											Công ty TNHH nhà nước một thành viên khai thác CTTL Phú Thọ phục vụ (ha)										DT lúa trồng lần do 2 ĐV cùng PV (ha)	DT màu trồng lần do 2 ĐV cùng PV (ha)	Tổng DT lúa 2 đơn vị phục vụ (ha)	Tổng DT rau màu hai đơn vị phục vụ (ha)	So sánh với kết quả sản xuất theo Báo cáo số..../UBND-NN của UBND huyện....(ha)				
		Tổng hợp tác xã (ha)	Tưới, tiêu chủ động				Tưới, tiêu chủ động một phần		Tưới, tiêu tạo nguồn		Tưới tiêu kết hợp		Tổng thủy nông (ha)	Tưới, tiêu chủ động				Tưới, tiêu chủ động một phần		Tưới, tiêu tạo nguồn		Tưới tiêu kết hợp					Kết quả sản xuất		Chênh lệch (Phải luôn ≥0)		
			Lúa	Mạ, màu	Thủy sản		Lúa	Màu	Lúa	Màu	Lúa	Màu		Lúa	Màu	Thủy sản		Lúa	Màu	Lúa	Màu	Lúa					Màu	Lúa (ha)	Tổng rau, màu (ha)	Lúa (Phải luôn ≥0)	Rau, màu (Phải luôn ≥0)
					Xen canh	Chuyên canh										Xen canh	Chuyên canh														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)
I	Vụ chiêm	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Xã, phường, thị trấn A	-											-											-	-	-	-			-	-
2	Xã, phường, thị trấn B	-											-											-	-	-	-			-	-
...		-											-											-	-	-	-			-	-
II	Vụ mùa	-	-	-	-		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Xã, phường, thị trấn A	-											-											-	-	-	-			-	-
2	Xã, phường, thị trấn B	-											-											-	-	-	-			-	-
...		-											-											-	-	-	-			-	-
III	Vụ đông	-	-	-	-		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Xã, phường, thị trấn A	-											-											-	-	-	-			-	-
2	Xã, phường, thị trấn B	-											-											-	-	-	-			-	-
...		-											-											-	-	-	-			-	-
	Tổng cộng	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: (3)=(4)+ ...(13)
(14)=(15)+...(24)
(25)=(10)+(21)
(26)=(11)+(22)
(27)=(4)+(8)+(10)+(12)+(15)+(19)+(21)+(23)-(25)
(28)=(5)+(9)+(11)+(13)+(16)+(20)+(22)+(24)-(26)
(31)=(29)-(27) cột này phải lớn hơn hoặc bằng 0
(32)=(30)-(28) cột này phải lớn hơn hoặc bằng 0
- Diện tích đề nghị làm tròn hai số sau dấu phẩy để tránh cộng sai số học

NGƯỜI LẬP

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT (KINH TẾ)
(Ký tên, đóng dấu)

UBND HUYỆN

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ BIỂU 1.2: TỔNG HỢP DIỆN TÍCH ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI THEO TỪNG ĐƠN VỊ LÀM DỊCH VỤ THỦY LỢI NĂM 2024 CỦA HUYỆN

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-CCTL ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

[illegible]

Ghi chú: Diện tích đề nghị làm tròn hai số sau dấu phẩy để tránh cộng sai số học

NGƯỜI LẬP

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT (KINH TẾ)

(Ký tên, đóng dấu)

UBND HUYÊN

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ BIỂU 1.3: SO SÁNH DIỆN TÍCH ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2024 CỦA HUYỆN...

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-CCTL ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

[illegible]

Ghi chú: - Ghi rõ nguyên nhân tăng giảm (ở xứ đồng nào? công trình nào?)

- Diện tích đề nghị làm tròn hai số sau dấu phẩy để tránh cộng sai số học

NGƯỜI LẬP

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT (KINH TẾ)

(Ký tên, đóng dấu)

UBND HUYỆN

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ BIỂU 1.4: DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ DIỆN TÍCH ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2024 CỦA HUYỆN... - CHI TIẾT THEO BIỆN PHÁP CẢ NĂM (BAO GỒM CẢ DIỆN TÍCH TRÙNG VÀ DIỆN TÍCH KHÔNG TRÙNG DO 01 ĐƠN VỊ PHỤC VỤ TƯỚI, 01 ĐƠN VỊ PHỤC VỤ TIỂU)

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-CCTL ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

TT	Tên đơn vị quản lý vận hành/Tên công trình	Diện tích Lúa (ha)															Diện tích màu, mạ và cây công nghiệp ngắn ngày (ha)																		Nuôi trồng thủy sản (ha)			Tổng diện tích phục vụ năm 2024 (ha)	Ghi chú
		Cộng diện tích lúa	Tưới tiêu bằng động lực						Tưới tiêu bằng trọng lực						Tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ	Cộng DT màu, mạ, cây CN	Tưới tiêu bằng động lực						Tưới tiêu bằng trọng lực						Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	Tổng	Trong đó:								
			Tưới			Tiêu			Tưới			Tiêu					Tưới			Tiêu			NTTS chuyên canh	NTTS xen canh (01 vụ lúa 01 vụ cá)															
			Chủ động	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn	Chủ động	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn	Chủ động	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn	Chủ động	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn			Chủ động	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn	Chủ động	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn			Chủ động	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn												
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	
I	Hợp tác xã A																																						
1	Công trình 1																																						
2	Công trình 2																																						
3																																							
II	Hợp tác xã B																																						
1	Công trình 1																																						
2	Công trình 2																																						
3																																							
Tổng (A+B+C)																																							

Ghi chú: (3)=(4)+ ...(18)
(19)=(20)+...+(34)
(38)=(3)+(19)+(35)
Cột (38) ghi rõ Bổ sung hoặc điều chỉnh các Quyết định số: 1617/QĐ-UBND ngày 28/6/2013; 2189/QĐ-UBND ngày 31/8/2018; 1731/QĐ-UBND ngày 17/7/2019; 1238/QĐ-UBND ngày 10/6/2020; 2117/QĐ-UBND ngày 23/8/2021; 2300/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Diện tích đề nghị làm tròn hai số sau dấu phẩy để tránh cộng sai số học

NGƯỜI LẬPPHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT (KINH TẾ)UBND HUYỆN
(Ký tên, đóng dấu)(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ BIỂU 1.5: TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ DIỆN TÍCH ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2024 CỦA HUYỆN... - CHI TIẾT THEO BIÊN PHÁP TỪNG VỤ (BAO GỒM CẢ DIỆN TÍCH TRÙNG VÀ DIỆN TÍCH KHÔNG TRÙNG DO 01 ĐƠN VỊ PHỤC VỤ TÚI, 01 ĐƠN VỊ PHỤC VỤ TIÊU)

tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

[illegible]

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ BIỂU 1.6: DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ DIỆN TÍCH ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2024 CỦA HUYỆN...
- CHI TIẾT THEO BIỆN PHÁP CẢ NĂM (CHỈ TÍNH RIÊNG PHẦN DIỆN TÍCH TRỪNG DO 01 ĐƠN VỊ PHỤC VỤ TUỚI, 01 ĐƠN VỊ PHỤC VỤ TIÊU NẾU CÓ)

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-CCTL ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

TT	Tên đơn vị quản lý vận hành/Tên công trình	Diện tích Lúa (ha)																Diện tích màu, mạ và cây công nghiệp ngắn ngày (ha)																Nuôi trồng thủy sản (ha)			Tổng diện tích phục vụ năm 2024 (ha)	Ghi chú
		Cộng diện tích lúa	Tưới tiêu bằng động lực						Tưới tiêu bằng trọng lực						Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	Cộng DT màu, mạ, cây CN	Tưới tiêu bằng động lực						Tưới tiêu bằng trọng lực						Tổng	Trong đó:								
			Tưới			Tiêu			Tưới			Tiêu					Tưới			Tiêu			NTTS chuyên canh	NTTS xen canh (01 vụ lúa 01 vụ cá)														
			Chủ động	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn	Chủ động	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn	Chủ động	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn	Chủ động	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn			Chủ động	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn	Chủ động	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn			Chủ động	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)
I	Hợp tác xã A																																					
1	Công trình 1																																					
2	Công trình 2																																					
3																																						
II	Hợp tác xã B																																					
1	Công trình 1																																					
2	Công trình 2																																					
3																																						
Tổng (A+B+C)																																						

Ghi chú: (3)=(4)+ ...(18)
(19)=(20)+...(34)
(38)=(3)+(19)+(35)
Cột (38) ghi rõ Bổ sung hoặc điều chỉnh các Quyết định số: 1617/QĐ-UBND ngày 28/6/2013; 2189/QĐ-UBND ngày 31/8/2018; 1731/QĐ-UBND ngày 17/7/2019; 1238/QĐ-UBND ngày 10/6/2020; 2117/QĐ-UBND ngày 23/8/2021; 2300/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Diện tích để nghị làm tròn hai số sau dấu phẩy để tránh cộng sai số học

NGƯỜI LẬPPHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT (KINH TẾ)UBND HUYỆN
(Ký tên, đóng dấu)(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ BIỂU 1.7: TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ DIỆN TÍCH ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2024 CỦA HUYỆN... - CHI TIẾT THEO BIỆN PHÁP TỪNG VỤ (CHỈ TÍNH RIÊNG PHẦN DIỆN TÍCH TRỪNG DO 01 ĐƠN VỊ PHỤC VỤ TƯỚI, 01 ĐƠN VỊ PHỤC VỤ TIÊU NẾU CÓ)

tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

[illegible]

Ghi chú: (3)=(4)+...+(18)

$$(19)=(20)+\dots+(34)$$
$$(38)=(3)+(19)+(35)$$

Cột (39) ghi rõ Bộ sung hoặc điều chỉnh các Quyết định số: 1617/QĐ-UBND ngày 28/6/2013; 2189/QĐ-UBND ngày 31/8/2018; 1731/QĐ-UBND ngày 17/7/2019; 1238/QĐ-UBND ngày 10/6/2020; 2117/QĐ-UBND ngày 23/8/2021; 2300/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh

Diện tích đề nghị làm tròn hai số sau dấu phẩy để tránh công sai số học

UBND HUYỆN

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ BIỂU 1.8: DANH MỤC CÔNG TRÌNH TIÊU LƯU VỰC THOÁT NƯỚC NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN...

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-CCTL ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Biện pháp phục vụ (Ghi rõ: Động lực; trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ đối với từng công trình)	Địa điểm	Thông số công trình	Diện tích lưu vực nông thôn và đô thị trừ nội thị có công trình tiêu (ha)	Trong đó diện tích phải trừ đi (ha)				Diện tích tiêu lưu vực còn lại (ha)				Khu vực tiêu	Ghi chú
						Diện tích đất sản xuất nông nghiệp đã được hưởng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (ha)	Diện tích nuôi trồng thủy sản đã được hưởng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (ha)	Diện tích khu công nghiệp, khu chế xuất (ha)	Diện tích vùng nội thị (ha) <i>(gồm: đất nội thị xã, nội thành phố, nội thị trấn)</i>	Tổng	Diện tích tiêu động lực (ha)	Diện tích tiêu trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ (ha)	Diện tích tiêu trọng lực (ha)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	(11)=(6)-(7)-(8)-(9)-(10)	12	13	14	15	16
1	Xã A														
1.1	Trạm bơm tiêu														
-	TB tiêu A			(Số lượng máy, công suất máy)											
-	TB tiêu B														
	...														
1.2	Cống tiêu														
-	Cống tiêu A			(Loại cống, kích thước cống, chiều dài kênh tiêu)											
-	Cống tiêu B														
2	Xã B														
	...														
Tổng cộng					-										-

NGƯỜI LẬP

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT (KINH TẾ)
(Ký tên và đóng dấu)

Xác nhận của UBND huyện
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ BIỂU 1.9: TỔNG HỢP SỐ ĐƠN VỊ LÀM DỊCH VỤ THỦY LỢI, SỐ LƯỢNG CÔNG TRÌNH TRONG DANH MỤC ĐƯỢC CẤP HỖ TRỢ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2024 CỦA HUYỆN

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-CCTL ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

[illegible]

Ghi chú: Diện tích đề nghị làm tròn hai số sau dấu phẩy để tránh cộng sai số học

NGƯỜI LẬP

PHÒNG NN VÀ PTNT (KINH TẾ)

(Ký tên, đóng dấu)

UBND HUYỆN

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ BIỂU 1.10: TỔNG HỢP SỐ ĐƠN VỊ LÀM DỊCH VỤ THỦY LỢI, SỐ KM KÊNH MƯƠNG ĐƯỢC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (GỒM KÊNH MƯƠNG XÂY DỰNG MỚI; CẢI TẠO, NÂNG CẤP); THÔNG SỐ KÊNH MƯƠNG SAU ĐẦU TƯ VÀ KINH PHÍ ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2024 CỦA HUYỆN

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-CCTL ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

STT	Tên đơn vị quản lý vận hành	Số đơn vị hợp tác xã dịch vụ thủy lợi	Số lượng công trình kênh mương được đầu tư trong năm 2024	Kênh mương được đầu tư trong năm				Đường ống được đầu tư tăng thêm trong năm				Tổng số km kênh mương, đường ống được đầu tư trong năm 2024	Tổng kinh phí thực hiện trong năm (triệu đồng)	Ghi chú
				Kênh được cứng hóa trong năm (km)	Kinh phí thực hiện cứng hóa kênh mương (triệu đồng)	Kênh được nạo vét trong năm (km)	Kinh phí thực hiện nạo vét kênh mương (triệu đồng)	Ống thép tăng thêm (km)	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Ống nhựa tăng thêm (km)	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(5)+(7)+(9)+(11)	(14)=(6)+(8)+(10)+(12)	(15)
I	Hợp tác xã A													Ghi rõ chủ đầu tư được giao thực hiện và nguồn vốn. (Chủ đầu tư là UBND huyện hoặc xã... Nguồn vốn là NTM...)
1	Công trình 1													
2	Công trình 2													
3														
II	Hợp tác xã B													
1	Công trình 1													
2	Công trình 2													
3														
Tổng cộng														

Ghi chú: Diện tích đề nghị làm tròn hai số sau dấu phẩy để tránh cộng sai số học

NGƯỜI LẬP

**PHỤ BIỂU 1.11: NHÂN LỰC QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
TRONG DANH MỤC ĐƯỢC CẤP HỖ TRỢ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2024 CỦA HUYỆN**

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-CCTL ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

[illegible]

PHỤ LỤC 1.12: BẢNG XÁC NHẬN TỔNG HỢP DIỆN TÍCH TƯỚI NƯỚC, TIÊU NƯỚC, CẤP NƯỚC PHỤC VỤ NĂM 2024, VỤ.....

CỦA KHU (ĐỘI) XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN) HUYỆN (THÀNH, THỊ)
(BAO GỒM CẢ DIỆN TÍCH TRÙNG VÀ DIỆN TÍCH KHÔNG TRÙNG DO 01 ĐƠN VỊ PHỤC VỤ TƯỚI, 01 ĐƠN VỊ PHỤC VỤ TIÊU)

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-CCTL ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

STT	Công trình	Biện pháp phục vụ (Ghi rõ: Động lực; trọng lực hoặc trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ đối với từng công trình)	Hộ dùng nước	Diện tích tưới, tiêu, cấp nước									Cấp nước cho chăn nuôi (ha)	Diện tích miễn thu (ha)	Diện tích phải nộp (ha)	Ký xác nhận của hộ dùng nước
				Tổng số	Diện tích lúa (ha)	Diện tích Màu, mạ và cây công nghiệp ngắn ngày (ha)	Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)		Diện tích đất trại thí nghiệm (ha)	Diện tích đất nông trường (ha)	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	Diện tích khác (ha)				
							Diện tích thủy sản chuyên canh (ha)	Diện tích thủy sản xen canh (01 vụ lúa, 01 vụ cá) (ha)								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)= (6)+(7) +(8)+(9) +(10) +(11)+(12)+(13)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I	Công trình A															
1			Hộ dùng nước A													
2			Hộ dùng nước B													
3																
II	Công trình B															
1			Hộ dùng nước C													
2			Hộ dùng nước D													
3																
TỔNG CỘNG																

Ghi chú: Diện tích đề nghị làm tròn hai số sau dấu phẩy để tránh cộng sai số học

Người lập biểu

Xác nhận của UBND xã ...

Xác nhận của UBND cấp huyện...

Ngày tháng năm

Đơn vị thực hiện
dịch vụ công ích thủy lợi
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 1.13: BẢNG XÁC NHẬN DIỆN TÍCH TRÙNG ĐO 01 ĐƠN VỊ PHỤC VỤ TƯỚI, 01 ĐƠN VỊ PHỤC VỤ TIÊU ĐỐI VỚI DIỆN TÍCH TƯỚI NƯỚC, CẤP NƯỚC, TIÊU NƯỚC PHỤC VỤ NĂM 2024, VỤ.....

(CHỈ TÍNH RIÊNG PHẦN DIỆN TÍCH TRÙNG ĐO 01 ĐƠN VỊ PHỤC VỤ TƯỚI, 01 ĐƠN VỊ PHỤC VỤ TIÊU)

CỦA KHU (ĐỘI) XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN) HUYỆN (THÀNH, THỊ)

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-CCTL ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

STT	Công trình	Biện pháp phục vụ (Ghi rõ: Động lực; trọng lực hoặc trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ đối với từng công trình)	Hộ dùng nước	Diện tích tưới, tiêu, cấp nước									Cấp nước cho chăn nuôi (ha)	Diện tích miễn thu (ha)	Diện tích phải nộp (ha)	Ký xác nhận của hộ dùng nước
				Tổng số	Diện tích lúa (ha)	Diện tích Màu, mạ và cây công nghiệp ngắn ngày (ha)	Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)		Diện tích đất trại thí nghiệm (ha)	Diện tích đất nông trường (ha)	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây được liệu	Diện tích khác (ha)				
							Diện tích thủy sản chuyên canh (ha)	Diện tích thủy sản xen canh (01 vụ lúa, 01 vụ cá (ha)								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)= (6)+(7) +(8)+(9) +(10) +(11)+(12)+(13)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I	Công trình A															
1			Hộ dùng nước A													
2			Hộ dùng nước B													
3																
II	Công trình B															
1			Hộ dùng nước C													
2			Hộ dùng nước D													
3																
TỔNG CỘNG																

Ghi chú: Diện tích đề nghị làm tròn hai số sau dấu phẩy để tránh cộng sai số học

Người lập biểu

Xác nhận của UBND xã ...

Xác nhận của
Xi nghiệp Thủy nông...

Xác nhận của UBND cấp huyện...

Ngày tháng năm

Đơn vị thực hiện
dịch vụ công ích thủy lợi
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 1.14: BẢNG XÁC NHẬN TỔNG HỢP DIỆN TÍCH TƯỚI NƯỚC, TIÊU NƯỚC, CẤP NƯỚC PHỤC VỤ NĂM 2024
TỪ CÔNG TRÌNH PHẢI TẠO NGUỒN TỪ 02 BẬC TRỞ LÊN, VỤ.....

CỦA KHU (ĐỘI) XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN) HUYỆN (THÀNH, THỊ)
(Kèm theo Văn bản số: /SNN-CCTL ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

STT	Công trình	Biện pháp phục vụ (Ghi rõ: Động lực; trọng lực hoặc trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ đối với từng công trình)	Hộ dùng nước	Diện tích tưới, tiêu, cấp nước									Cấp nước cho chăn nuôi (ha)	Diện tích miễn thu (ha)	Diện tích phải nộp (ha)	Ký xác nhận của hộ dùng nước
				Tổng số	Diện tích lúa (ha)	Diện tích Màu, mạ và cây công nghiệp ngắn ngày (ha)	Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)		Diện tích đất trại thí nghiệm (ha)	Diện tích đất nông trường (ha)	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây được liệu	Diện tích khác (ha)				
							Diện tích thủy sản chuyên canh (ha)	Diện tích thủy sản xen canh (01 vụ lúa, 01 vụ cá (ha)								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)= (6)+(7) +(8)+(9) +(10) +(11)+(12)+(13)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I	Công trình A															
1			Hộ dùng nước A													
2			Hộ dùng nước B													
3																
II	Công trình B															
1			Hộ dùng nước C													
2			Hộ dùng nước D													
3																
TỔNG CỘNG																

Ghi chú: Diện tích để nghị làm tròn hai số sau dấu phẩy để tránh cộng sai số học

Người lập biểu

Xác nhận của UBND xã ... Xác nhận của UBND cấp huyện...

Ngày tháng năm
Hợp tác xã
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ BIỂU 1.15: BẢNG XÁC NHẬN DIỆN TÍCH TIÊU, THOÁT NƯỚC KHU VỰC NÔNG THÔN VÀ ĐÔ THỊ TRỪ VÙNG NỘI THỊ CÓ CÔNG TRÌNH ĐƯỢC TÍNH GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI PHỤC VỤ NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN... (ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TRÌNH DO HUYỆN LÀM CHỦ QUẢN LÝ)

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-CCTL ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Biện pháp phục vụ (Ghi rõ: Động lực; trọng lực hoặc trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ đối với từng công trình)	Địa điểm	Diện tích lưu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị có công trình tiêu (ha)	Trong đó diện tích phải trừ đi (ha)				Diện tích tiêu lưu vực được tính giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (ha)				Khu vực tiêu	Ghi chú
					Diện tích đất sản xuất nông nghiệp đã được tính giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (ha)	Diện tích nuôi trồng thủy sản đã được tính giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (ha)	Diện tích khu công nghiệp, khu chế xuất (ha)	Diện tích vùng nội thị (ha) (gồm: đất nội thị xã, nội thành phố, đất thị trấn)	Tổng (ha)	Diện tích tiêu động lực (ha)	Diện tích tiêu trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ (ha)	Diện tích tiêu tự chảy qua cống (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(5)-(6)-(7)-(8)-(9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Xã A													
1.1	Trạm bơm tiêu													
-	TB tiêu A													
+	Sờ (thửa) bản đồ số													
+	Sờ (thửa) bản đồ số													
-	TB tiêu B													
+	Sờ (thửa) bản đồ số													
+	Sờ (thửa) bản đồ số													
	...													
1.2	Cống tiêu													
-	Cống tiêu A													
+	Sờ (thửa) bản đồ số													
+	Sờ (thửa) bản đồ số													
-	Cống tiêu B													
+	Sờ (thửa) bản đồ số													
+	Sờ (thửa) bản đồ số													
	...													
2	Xã B													
	...													
Tổng cộng				-										-

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI

UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(Ký tên và đóng dấu)

UBND CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: UBND các huyện, thành, thị chỉ báo cáo diện tích do các UBND xã quản lý (không tính công trình do Công ty TNHH Nhà nước MTV Khai thác CCTL Phú Thọ quản lý

- Cột (5), (8), (9): Diện tích tự nhiên, diện tích khu công nghiệp, khu chế xuất, đất nội thị xã, nội thành phố, thị trấn tại khu tiêu có công trình được đơn vị thực hiện dịch vụ công ích thủy lợi là UBND xã, phường, thị trấn xác định trên bản đồ giải thửa, bản đồ địa hình có xác nhận của UBND huyện, thành, thị;

- Cột (6), (7): Xác định là tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp đã được tính hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (diện tích lớn nhất tính theo vụ) đã được UBND tỉnh phê duyệt của năm trước liền kề.